

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH - THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc,  
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 26

302  
C  
M  
R.S  
17

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Châu Văn Hiếu	Chủ tịch
Ông Mai Ngọc Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm vào ngày 01/01/2016)
Ông Trần Văn Thón	Thành viên (Miễn nhiệm vào ngày 01/01/2016)
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Hoài Thanh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Lưu Minh Tú	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Giám đốc
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc,  
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Nguyễn Hùng Dũng**

**Giám đốc**

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2017



Số: 17.275/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT. Tổng Giám đốc****Đặng Thị Hồng Loan****Phó Tổng Giám đốc**Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2016-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2017**Huỳnh Thị Ngọc Trinh****Kiểm toán viên**Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2124-2016-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.341.301.908</b>	<b>27.430.374.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>4.975.082.425</b>	<b>1.813.990.902</b>
1. Tiền	111		4.975.082.425	1.813.990.902
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.306.638.250</b>	<b>10.306.375.412</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	9.936.396.332	10.575.907.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.062.720	10.480.987
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		14.600.000	12.100.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.3)	(652.420.802)	(292.113.269)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.4)	<b>16.996.849.518</b>	<b>15.208.392.805</b>
1. Hàng tồn kho	141		17.283.023.693	15.360.849.670
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(286.174.175)	(152.456.865)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.731.715</b>	<b>101.615.278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		62.731.715	101.615.278
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.947.011.852</b>	<b>8.394.677.789</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			<b>26.280.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216			26.280.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.143.026.393</b>	<b>7.652.434.249</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	5.573.026.393	6.067.434.249
Nguyên giá	222		10.939.253.469	10.933.132.897
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.366.227.076)	(4.865.698.648)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.570.000.000	1.585.000.000
Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(90.000.000)	(75.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>205.000.000</b>	<b>54.552.496</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		205.000.000	54.552.496
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.7)	<b>380.000.000</b>	<b>503.370.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		523.000.000	610.370.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(143.000.000)	(107.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>218.985.459</b>	<b>158.041.044</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		218.985.459	158.041.044
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>39.288.313.760</b>	<b>35.825.052.186</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>18.739.582.353</b>	<b>15.320.871.128</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>18.739.582.353</b>	<b>15.320.871.128</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.8)	3.951.005.082	3.949.612.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.957.081	9.142.135
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.9)	535.820.682	1.015.475.619
4. Phải trả người lao động	314	(5.10)	2.854.488.973	1.192.898.224
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.11)	1.118.496.087	1.393.815.446
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		72.165	47.560.628
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.12)	9.954.732.758	7.591.192.418
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.13)	307.009.525	121.174.187
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.548.731.407</b>	<b>20.504.181.058</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.14.1)	<b>20.548.731.407</b>	<b>20.504.181.058</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	12.310.600.000	12.310.600.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.060.000	1.231.060.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.454.671.407	6.410.121.058
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.948.001.058	3.948.001.058
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.506.670.349	2.462.120.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>39.288.313.760</b>	<b>35.825.052.186</b>



**Nguyễn Hưng Dũng**  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2017

**Lâm Nhật Minh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thùy Linh**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		127.437.457.970	109.051.166.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25.847.803.205	9.903.182.830
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	101.589.654.765	99.147.984.044
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	79.719.496.331	78.441.732.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.870.158.434	20.706.251.331
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	111.724.768	84.151.914
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	816.348.639	657.655.183
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		780.348.639	633.655.183
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	13.733.087.534	13.578.393.985
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	4.017.691.046	3.684.599.851
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.414.755.983	2.869.754.226
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	170.290.691	316.720.223
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		170.290.691	316.720.223
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.585.046.674	3.186.474.449
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	503.816.387	497.723.769
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.081.230.287	2.688.750.680
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.4)	2.178	2.141
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.14.4)	2.178	2.141



**Nguyễn Hùng Dũng**  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2017

**Lâm Nhật Minh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thùy Linh**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>3.585.046.674</b>	<b>3.186.474.449</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		515.528.428	658.914.941
Các khoản dự phòng	03		530.024.843	193.173.989
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(46.848.634)	(46.849.995)
Chi phí lãi vay	06	(6.3)	780.348.639	633.655.183
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>5.364.099.950</b>	<b>4.625.368.567</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		665.709.629	1.930.059.289
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.922.174.023)	(556.352.849)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		649.004.502	(3.560.443.918)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(22.060.852)	88.400.389
Tiền lãi vay đã trả	14		(777.097.006)	(631.996.549)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.9)	(238.305.051)	(530.219.014)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(388.724.600)	(505.267.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.330.452.549</b>	<b>859.548.715</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(205.000.000)	(80.563.636)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		87.370.000	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.848.634	46.849.995
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(70.781.366)</b>	<b>(33.713.641)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	29.818.640.159	23.589.034.048
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(27.455.099.819)	(21.837.677.278)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.14.3)	(2.462.120.000)	(1.231.060.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(98.579.660)</b>	<b>520.296.770</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>3.161.091.523</b>	<b>1.346.131.844</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.813.990.902	467.859.058
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	(5.1)	<b>4.975.082.425</b>	<b>1.813.990.902</b>



**Nguyễn Hùng Dũng**  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2017

**Lâm Nhật Minh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thùy Linh**  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%
Công nhân viên	3.953.140.000	53%	6.526.160.000	53%
Đối tượng khác	5.895.460.000	27%	3.322.440.000	27%
<b>Cộng</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 28 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 03 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100 (31/12/2015: 116 nhân viên).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tét bện (1629);
- Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**4.3. Đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

***Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

**4.4. Các khoản phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bìa (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (giá bán).

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2016</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô E16-57 Đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**4.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**4.10. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.11. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.12. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**4.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**4.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

**4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì, khấu hao TSCĐ; chi phí chiết khấu, thưởng bán hàng; chi phí vận chuyển bốc vác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (chi phí điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, chi phí công tác).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Theo khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Sách giáo khoa	Không chịu thuế
▪ Sách tham khảo (không phải sách giao khoa)	5%
▪ Hóa mỹ phẩm và thiết bị điện tử như máy tính Casio	10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.17. Lãi trên cổ phần**

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phần phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phần được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.18. Lãi suy giảm trên cổ phần**

Lãi suy giảm trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phần phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phần được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

*(Xem tiếp trang sau)*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	55.217.439	67.073.830
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.919.864.986	1.746.917.072
<b>Cộng</b>	<b><u>4.975.082.425</u></b>	<b><u>1.813.990.902</u></b>

**5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ban Quản Lý dự án Đầu tư xây dựng trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	4.384.037.569	1.726.975.120
Phòng Giáo dục và Đào tạo An Minh	538.054.567	380.600.000
Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện An Biên	444.781.350	311.760.000
Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng phát triển huyện Phú Quốc	6.815.885	792.683.518
Phải thu các khách hàng khác	4.562.706.961	7.363.889.056
<b>Cộng</b>	<b><u>9.936.396.332</u></b>	<b><u>10.575.907.694</u></b>

**5.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi	652.420.802	-	627.306.644	335.193.375
<b>Cộng</b>	<b><u>652.420.802</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>627.306.644</u></b>	<b><u>335.193.375</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An	289.798.000	-	Trên 3 năm	289.798.000	202.858.600	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	189.049.679	-	Trên 3 năm	189.049.679	132.334.775	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	173.573.123	-	Trên 3 năm	148.458.965	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>652.420.802</b>	<b>-</b>		<b>627.306.644</b>	<b>335.193.375</b>	

**5.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	657.120.975	-	755.781.313	-
Thành phẩm	543.991.200	-	179.866.000	-
Hàng hóa	16.081.911.518	(286.174.175)	14.425.202.357	(152.456.865)
<b>Cộng</b>	<b>17.283.023.693</b>	<b>(286.174.175)</b>	<b>15.360.849.670</b>	<b>(152.456.865)</b>

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	9.066.493.801	308.253.283	1.059.641.926	498.743.887	10.933.132.897
Đầu tư XDCB hoàn thành	20.188.860	-	-	-	20.188.860
Giảm khác	(14.068.288)	-	-	-	(14.068.288)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>9.072.614.373</b>	<b>308.253.283</b>	<b>1.059.641.926</b>	<b>498.743.887</b>	<b>10.939.253.469</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	3.346.184.831	308.253.283	771.822.618	439.437.916	4.865.698.648
Khấu hao trong năm	343.734.968	-	138.153.252	18.640.208	500.528.428
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.689.919.799</b>	<b>308.253.283</b>	<b>909.975.870</b>	<b>458.078.124</b>	<b>5.366.227.076</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	5.720.308.970	-	287.819.308	59.305.971	6.067.434.249
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>5.382.694.574</b>	<b>-</b>	<b>149.666.056</b>	<b>40.665.763</b>	<b>5.573.026.393</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay là 3.432.118.586 đồng - Xem thêm mục 5.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.132.150.501 đồng.

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>1.660.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	-	75.000.000	75.000.000
Khấu hao trong năm	-	15.000.000	15.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>-</b>	<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	1.540.000.000	45.000.000	1.585.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.540.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.570.000.000</b>

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.12.

**5.7. Các khoản đầu tư tài chính**

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	523.000.000	-	143.000.000	523.000.000	-	107.000.000
Công ty Cổ phần Đức Trí	-	-	-	87.370.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>523.000.000</b>	<b>-</b>	<b>143.000.000</b>	<b>610.370.000</b>	<b>-</b>	<b>107.000.000</b>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thiết bị trường học Tân Văn	491.518.800	491.518.800	359.100.000	359.100.000
DNTN Ngọc Khôi	472.769.165	472.769.165	522.390.000	522.390.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	388.594.956	388.594.956	39.625.424	39.625.424
Các đối tượng khác	2.598.122.161	2.598.122.161	3.028.497.047	3.028.497.047
<b>Cộng</b>	<b>3.951.005.082</b>	<b>3.951.005.082</b>	<b>3.949.612.471</b>	<b>3.949.612.471</b>

**5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	852.891.411	1.432.632.191	(2.228.231.464)	57.292.138
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.783.208	503.816.387	(238.305.051)	369.294.544
Thuế thu nhập cá nhân	58.801.000	157.527.196	(107.094.196)	109.234.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	144.796.979	(144.796.979)	-
Thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.015.475.619</b>	<b>2.246.772.753</b>	<b>(2.726.427.690)</b>	<b>535.820.682</b>

**5.10. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

**5.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí chiết khấu bán hàng	1.117.277.677	1.389.928.669
Chi phí phải trả khác	1.218.410	3.886.777
<b>Cộng</b>	<b>1.118.496.087</b>	<b>1.393.815.446</b>

**5.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty và chịu lãi suất 8%/năm - Xem thêm mục 5.5 và 5.6.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	121.174.187	399.810.707
Trích lập trong năm	400.559.938	52.630.680
Sử dụng trong năm	(214.724.600)	(331.267.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>307.009.525</u></b>	<b><u>121.174.187</u></b>

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

**5.14.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	5.179.061.058	19.273.121.058
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.688.750.680	2.688.750.680
Chia cổ tức	-	-	-	(1.231.060.000)	(1.231.060.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(52.630.680)	(52.630.680)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.410.121.058	20.504.181.058
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.081.230.287	3.081.230.287
Chia cổ tức	-	-	-	(2.462.120.000)	(2.462.120.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(400.559.938)	(400.559.938)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>	<b><u>552.400.000</u></b>	<b><u>1.231.060.000</u></b>	<b><u>6.454.671.407</u></b>	<b><u>20.548.731.407</u></b>

**5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nhà nước	2.462.000.000	2.462.000.000
Công nhân viên	3.953.140.000	6.526.160.000
Đối tượng khác	5.895.460.000	3.322.440.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>	<b><u>12.310.600.000</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.14.3. Cổ tức**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức đã chi trả trong năm	2.462.120.000	1.231.060.000

**5.14.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**5.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phần và lãi suy giảm trên cổ phần**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.081.230.287	2.688.750.680
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(400.559.938)	(52.630.680)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.231.060	1.231.060
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phần (DEPS)</b>	<b>2.178</b>	<b>2.141</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	127.437.457.970	108.001.633.154
Doanh thu nội bộ	-	1.049.533.720
Hàng bán bị trả lại	(23.214.095.658)	(7.317.424.675)
Chiết khấu thương mại	(2.633.707.547)	(2.585.758.155)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>101.589.654.765</b>	<b>99.147.984.044</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm nhập kho	931.581.641	1.587.033.868
Giá vốn của hàng hóa	78.547.494.544	76.854.698.845
<b>Cộng</b>	<b><u>79.719.496.331</u></b>	<b><u>78.441.732.713</u></b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	6.848.634	6.849.995
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	40.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.876.134	37.301.919
<b>Cộng</b>	<b><u>111.724.768</u></b>	<b><u>84.151.914</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	780.348.639	633.655.183
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	36.000.000	24.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>816.348.639</u></b>	<b><u>657.655.183</u></b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	10.508.947.147	9.264.615.859
Chi phí vật liệu, bao bì	175.782.800	269.550.120
Chi phí công cụ dụng cụ	169.944.862	284.568.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.503.000	332.891.669
Thuế, phí và lệ phí	138.753.223	222.333.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.470.114.022	3.113.540.593
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	812.657.481	840.132.500
<i>Chi phí vận chuyển bốc vác</i>	940.781.300	1.048.847.678
<i>Chi phí thưởng bán hàng</i>	142.833.110	5.461.430
<i>Chi phí hàng biếu tặng</i>	43.255.800	810.540.300
<i>Chi phí khác</i>	530.586.331	408.558.685
Chi phí bằng tiền khác	73.042.480	90.894.500
<b>Cộng</b>	<b><u>13.733.087.534</u></b>	<b><u>13.578.393.985</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	2.290.487.641	2.205.104.369
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.558.902	65.447.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	306.456.920	313.454.712
Thuế, phí, lệ phí	13.433.272	19.215.545
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	360.307.533	143.654.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.876.808	260.131.609
Chi phí bằng tiền khác	690.569.970	677.591.339
<i>Chi phí công tác</i>	129.857.180	131.112.545
<i>Chi phí tiếp khách</i>	145.141.729	203.540.395
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	352.598.264	250.610.266
<i>Chi phí khác</i>	62.972.797	92.328.133
<b>Cộng</b>	<b>4.017.691.046</b>	<b>3.684.599.851</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	6.320.000
Hoàn nhập quỹ lương của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc	28.529.424	187.420.128
Thu nhập khác	141.761.267	122.980.095
<b>Cộng</b>	<b>170.290.691</b>	<b>316.720.223</b>

**6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	839.470.263	844.304.736
Chi phí nhân công	13.158.236.968	12.066.380.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	515.528.428	658.914.941
Chi phí dự phòng	360.307.533	143.654.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.755.666.908	3.457.150.721
Chi phí bằng tiền khác	4.158.564.755	4.246.329.934
<b>Cộng</b>	<b>21.787.774.855</b>	<b>21.416.735.133</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.585.046.674	3.186.474.449
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	34.363.636	-
Trừ: Cũ tức và lợi nhuận được chia	(40.000.000)	(40.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.579.410.310	3.146.474.449
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	2.120.656.749	1.620.838.418
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động thông thường</i>	1.458.753.561	1.525.636.031
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>503.816.387</b>	<b>497.723.769</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách, chi phí phạt vi phạm hành chính, cổ tức nhận được.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	29.818.640.159	23.589.034.048

**7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(27.455.099.819)	(21.837.677.278)

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Nhân sự quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**Địa chỉ: Lô E16, số 30 - 31 - 32 Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc,  
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao	100.800.000	100.800.000
Thu nhập	753.499.800	692.899.872
<b>Cộng</b>	<b>854.299.800</b>	<b>793.699.872</b>

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	54.000.000	54.000.000

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



*(Signature)*

**Nguyễn Hùng Dũng**  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2017

*(Signature)*

**Lâm Nhật Minh**  
Kế toán trưởng

*(Signature)*

**Nguyễn Thùy Linh**  
Người lập